

Số: 283 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường
giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án trên địa bàn huyện Sơn Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản: số 1099/HĐTĐGD-STC ngày 09/7/2020, số 1124/HĐTĐGD-STC ngày 15/7/2020, số 1125/HĐTĐGD-STC ngày 15/7/2020; đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 226/TTr-STNMT ngày 16/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án trên địa bàn huyện Sơn Dương, cụ thể như sau:

1. Công trình: Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện trên địa bàn huyện Sơn Dương.

1.1. Trên địa bàn thị trấn Sơn Dương

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 45.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.2. Trên địa bàn xã Ninh Lai

Đất trồng cây hàng năm (khu vực I, vị trí 2): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.3. Trên địa bàn xã Minh Thanh

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng rừng sản xuất (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.4. Trên địa bàn xã Phúc Ứng

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng rừng sản xuất:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 12.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.5. Trên địa bàn xã Đông Lợi

Đất trồng cây hàng năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.6. Trên địa bàn xã Đông Quý

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.7. Trên địa bàn xã Đông Thọ

Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.8. Trên địa bàn xã Hợp Hòa

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.9. Trên địa bàn xã Hợp Thành

Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 3): Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.10. Trên địa bàn xã Vân Sơn

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.11. Trên địa bàn xã Lương Thiện

Đất trồng cây hàng năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.12. Trên địa bàn xã Trung Yên

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.13. Trên địa bàn xã Văn Phú

Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.14. Trên địa bàn xã Hào Phú

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng rừng sản xuất (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.15. Trên địa bàn xã Hồng Lạc

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 45.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất nuôi trồng thủy sản (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.16. Trên địa bàn xã Quyết Thắng

Đất trồng cây hàng năm (khu vực III, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.17. Trên địa bàn xã Tân Thanh

Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.18. Trên địa bàn xã Trường Sinh

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.19. Trên địa bàn xã Thượng Ấm

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 4: Giá đất tính tiền bồi thường là 28.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng rừng sản xuất (khu vực II, vị trí 5): Giá đất tính tiền bồi thường là 9.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.20. Trên địa bàn xã Vĩnh Lợi

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng rừng sản xuất:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

d) Đất ở tại nông thôn:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 110.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 90.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 50.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.21. Trên địa bàn xã Tú Thịnh

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng rừng sản xuất:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 12.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.22. Trên địa bàn xã Cáp Tiến

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 45.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 40.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm:

- Khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng rừng sản xuất:

- Khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 16.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

d) Đất nuôi trồng thủy sản (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

đ) Đất ở tại nông thôn (khu vực II, vị trí 2): Giá đất tính tiền bồi thường là 90.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

1.23. Trên địa bàn xã Sơn Nam

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng rừng sản xuất (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất ở tại nông thôn (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 120.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

2. Dự án: Đường dây 110kV Tuyên Quang - Sơn Dương

2.1. Trên địa bàn xã Thượng Ấm

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 4: Giá đất tính tiền bồi thường là 28.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng rừng sản xuất (khu vực II, vị trí 5): Giá đất tính tiền bồi thường là 9.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

2.2. Trên địa bàn xã Vĩnh Lợi

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.
- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.
- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng rừng sản xuất:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.
- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

d) Đất ở tại nông thôn:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 110.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.
- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 90.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.
- Khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 50.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

2.3. Trên địa bàn xã Tú Thỉnh

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.
- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.
- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng rừng sản xuất:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 12.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

2.4. Trên địa bàn xã Cấp Tiến

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 45.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 40.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất trồng cây lâu năm:

- Khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất trồng rừng sản xuất:

- Khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 16.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Khu vực I, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Đất nuôi trồng thủy sản (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Đất ở tại nông thôn (khu vực II, vị trí 2): Giá đất tính tiền bồi thường là 90.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

3. Công trình: Xây dựng nhà máy sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử K-Electronic – II; Dự án: Xây dựng mở rộng nhà máy chế biến khoáng sản và xây dựng nhà máy gạch không nung tại Khu công nghiệp Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (trên địa bàn xã Sơn Nam).

- Đất trồng cây hàng năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng rừng sản xuất (khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất ở tại nông thôn (khu vực I, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 120.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình theo Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

2. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, ĐC (Tính 22).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang
07-2020 11:13:58 +07:00

Nguyễn Thế Giang